

Bản án số: 334/2018/HC-PT

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 301/2018/TLPT-HC ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1034/2018/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 – Có mặt.

Trú ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện C, tỉnh T.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Địa chỉ: 01 Châu Văn Tiếp, Phường 2, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S (Văn bản ủy quyền số 273/UBND-NC ngày 13/02/2018) – Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng D – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S – Có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S.

Địa chỉ: 30 Ngô Quyền, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Tín N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (Văn bản ủy quyền số 670/UBND-VP ngày 14/8/2018) – Có đơn xin vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào lúc 09 giờ ngày 09/02/2006, ông đang ở tỉnh B thu mua lát nguyên liệu về cơ sở sản xuất thì ông Trần Minh D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N dẫn lực lượng đến cơ sở sản xuất của ông, rượt công nhân và gia đình ông, bắn 02 phát súng cường chế phá dỡ toàn bộ cơ sở sản xuất của ông, cho xáng đào mức làm kênh nội đồng phục vụ công cộng. Đến 05 giờ chiều cùng ngày ông về tới thì toàn bộ cơ sở sản xuất, tài sản của ông biến thành kênh nội đồng. Ông có báo chính quyền địa phương kiểm đếm thiệt hại nhưng chính quyền địa phương nói không có thiệt hại.

Năm 2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 4211/QĐKN-CTUBND bồi thường phần đất cho ông diện tích 5.188 m² với giá tiểu vùng 1, nhưng thực chất diện tích đất của ông là 8.188 m² (trong đó ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.188 m²). Năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 10/QĐKN-CTUBND bồi thường công cải tạo đào ao nuôi tôm 3.000 m² với giá 1.500.000 đồng và ra Quyết định số 22/QĐKN-CTUBND bồi thường cơ sở sản xuất và tài sản gắn liền với đất. Quá trình bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện M cho ông không phù hợp nên ông có khiếu nại lên tỉnh hai lần, tỉnh có chỉ đạo các ngành làm rõ để khắc phục thiệt hại cho ông, nhưng cả hai lần Sở ngành trình lên lãnh đạo của tỉnh đều ra quyết định công nhận các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện M là đúng, không xem xét gì thêm ngoài quyết định của huyện.

Ngày 24/10/2013, Tòa án hủy các quyết định của huyện và tỉnh. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông có làm đơn yêu cầu bồi thường. Năm 2014 và 2016 huyện ra hai quyết định bồi thường thiệt hại cho ông nhưng cũng không đúng quy định của pháp luật. Ông khiếu nại lên tỉnh, ngày 31/8/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh S thụ lý đến ngày 21/10/2016 tổ chức đối thoại. Theo kết luận tại biên bản đối thoại thì Ủy ban nhân dân tỉnh S chấp nhận xem xét lại giá trong 04 nội dung của Ủy ban nhân dân huyện M đã bồi thường. Sau đó ông nộp hồ sơ chứng minh thiệt hại tại Ban Tiếp dân tỉnh S yêu cầu tính từ ngày 09/02/2006 đến ngày 21/10/2016 số tiền là 13.910.074.138 đồng.

Theo quy định pháp luật, lễ ra tỉnh phải đưa ra thẩm định giá và thương lượng mới ra quyết định bồi thường và thu hồi đất nhưng trên cơ sở các quyết định đã bị hủy, ngày 29/9/2017 Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 940/QĐ-UBND bồi thường thêm 146,7 m² đất cho ông với số tiền 25.677.500 đồng. Khi Ủy ban nhân dân huyện M ra quyết định thì tỉnh lấy báo cáo của Thanh tra trước ngày đối thoại để làm cơ sở ra Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S công nhận quyết định của huyện là đúng, phớt lờ 04 nội dung kết luận đối thoại và bác yêu cầu của ông.

Khi dự án kinh tế Hòa Hình – Hòa Thượng thi công sai thiết kế, tỉnh có chỉ đạo các cơ quan thanh tra, kiểm tra để báo cáo tình khắc phục thiệt hại cho ông, nhưng từ năm 2006 đến nay các cá nhân làm nhiệm vụ có liên quan báo cáo sai sự thật. Mặt khác, phần đất của mẹ ông và ông có diện tích 19.213 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Trong đó phần đất của ông có diện tích 8.188 m² (ngang đầu trên 24 mét, ngang đầu dưới 26 mét, dài 290 mét), phần còn lại nằm dọc hai bên bờ kinh bị hạn chế khả năng sử dụng và thiệt hại cơ sở sản xuất kinh doanh của ông trong khi ông kinh doanh có giấy phép và phương án sản xuất kinh doanh được chuẩn y của Ủy ban nhân dân huyện vào ngày 21/5/2005. Nhà nước lấy đất của ông trái pháp luật để làm kinh phục vụ cộng đồng nhưng chưa bồi thường đất cho ông.

Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S và hủy Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M để giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 671/UBND-NC ngày 20/4/2018 và các lời khai tiếp theo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S do ông Lê Văn H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Năm 2006, trước bức xúc của người dân về tuyến kinh đê bị bồi lắng, ngăn dòng chảy, gây ô nhiễm môi trường, Ủy ban nhân dân huyện M đã thực hiện nạo vét kênh đê Hòa Hình – Hòa Thượng theo chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm (không có chủ trương bồi hoàn) và được đa số người dân ủng hộ, tự nguyện tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, hoa màu cây ăn trái.

Trong quá trình thi công có ảnh hưởng đất của ông Đ. Ngày 27/6/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M tiến hành đo đạc thực tế diện tích đất bị mất do đào kênh là 2.085 m², phần còn lại vợ ông Đ cất nhà ở 3.103 m².

Ngày 07/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện M chi trả tiền bồi thường về đất 16.680.000 đồng (2.085 m² x 8.000 đồng/m²), hỗ trợ đất bị ảnh hưởng 2.482.400 đồng (3.103 m² x 8.000 đồng/m² x 10%), ông Đ đồng ý nhận số tiền bồi thường trên, nhưng sau đó ông Đ khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 5.188 m² với số tiền 622.560.000 đồng, bồi thường nhà kho cấp 4 diện tích 73,5 m² số tiền 308.467.652 đồng, bồi thường giá trị xây dựng cống thoát nước số tiền 168.284.513 đồng và khoản tiền mất thu nhập do ảnh hưởng dự án là 212.400.000 đồng (Tổng số tiền ông Đ yêu cầu bồi thường là 1.311.712.165 đồng).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 (giải quyết khiếu nại lần đầu) có nội dung chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ về yêu cầu bồi thường cống thoát nước 20.000.000 đồng và nhà kho 81.068.670 đồng; bác đơn khiếu nại của ông Đ đòi bồi thường 1.311.712.165 đồng.

Nội dung giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là có cơ sở vì:

Về đất: Phần đất bị ảnh hưởng bởi dự án đã được áp dụng đơn giá đất 8.000 đồng/m² theo Quyết định số 11/2005/QĐ-UBND ngày 14/02/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh S. Ông Đ đã nhận tiền bồi thường xong.

Về nhà kho: Được bồi thường 81.068.670 đồng theo quy định tại Quyết định số 805/QĐHC-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc ban hành Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh S.

Về cống thoát nước: Được bồi thường 20.000.000 đồng (bằng với chi phí ông Đ ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã N ngày 16/9/1999).

Về hỗ trợ mất thu nhập: Ông Đ không cung cấp được giấy tờ liên quan để chứng minh nên không xem xét giải quyết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 giải quyết khiếu nại của ông Đ (lần hai) với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Đ cho rằng diện tích đất của ông bị ảnh hưởng 8.188 m² là không có cơ sở. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2013/HC-ST ngày 24/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật xác định việc ông Đ khởi kiện diện tích bị ảnh hưởng 5.188 m². Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S không có nghĩa vụ phải chứng minh.

Do đó, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận.

Tại văn bản số 199/UBND-VP ngày 14/3/2018 và các lời khai tiếp theo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M do ông Huỳnh Tín N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Việc khiếu nại của ông Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại nhà, đất khi Nhà nước thực hiện nạo vét kênh đê Hòa Hình – Hòa Thượng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 là đúng quy định của pháp luật. Ông Đ tiếp tục khiếu nại, để giải quyết hợp tình hợp lý, Ủy Ban nhân dân tỉnh S chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện M kiểm tra đo đạc xác định lại diện tích đất thực tế của ông Đ bị mất, đồng thời xem xét nếu phần đất còn lại của ông Đ bị hạn chế khả năng sử dụng đất thì sẽ lập thủ tục thu hồi để phục vụ công cộng và bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Qua đó, Ủy ban nhân dân huyện M đã chỉ đạo ngành chức năng huyện kiểm tra, đo đạc thực tế cho thấy phần diện tích đất hiện tại bị mất là 2.231,7 m², trong đó có 2.085 m² bị ảnh hưởng khi thực hiện nạo vét kênh (phần đất này ông Đ đã nhận tiền bồi thường xong vào năm 2007), đối chiếu với phần đất đo đạc thực tế hiện nay chênh lệch 146,7 m² (sạt lở sau nạo vét kênh do nước chảy mạnh). Để đảm bảo hợp tình hợp lý, Ủy ban nhân dân huyện M kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh S cho bồi thường bổ sung đối với phần 146,7 m². Riêng phần đất còn lại 2.956,3 m² gia đình ông Đ đang sử dụng không bị hạn chế sử dụng nên không có cơ sở thu hồi bồi thường (nằm trong diện tích Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ 5.188 m²). Ngày 16/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh S giao cho Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định bồi thường bổ sung thêm 146,7 m² đất của ông Đ (do sạt lở thêm) trên cơ sở đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 28/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND về phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, bổ sung thêm phần đất do bị sạt lở kênh cho ông Đ.

Ngày 22/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 giải quyết khiếu nại của ông Đ (lần hai) với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ (lần hai) và Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm phần đất do bị sạt lở kênh cho ông Nguyễn Văn Đ, cư ngụ ấp Thanh Nguyên A, xã M, huyện C, tỉnh T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông Nguyễn Hoàng D trình bày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 đúng quy định của pháp luật, đề nghị bác kháng cáo của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm; Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S và hủy Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Năm 2006, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Ủy ban nhân dân huyện M cho thực hiện nạo vét kênh Hòa Hình – Hòa Thượng, làm mất diện tích đất của ông Nguyễn Văn Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 516, diện tích 5.188 m²). Ông Đ khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện M bồi thường đất và tài sản trên đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành các Quyết định số 4211/QĐKN-CTUBND ngày 26/7/2007; Quyết định số 22/QĐKN-CTUBND ngày 07/12/2009 có nội dung vừa giải quyết khiếu nại của ông Đ, vừa bồi thường về đất, hỗ trợ tài sản trên đất cho ông Đ. Ông Đ tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S đã ban hành các Quyết định số 273/QĐKN-CTUBND ngày 24/10/2007; Quyết định số 43/QĐKN-CTUBND ngày 20/5/2010 có nội dung bác khiếu nại của ông Đ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm (đã có hiệu lực pháp luật) số 02/2013/HC-ST ngày 24/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã hủy các Quyết định số 4211/QĐKN-CTUBND ngày 26/7/2007; Quyết định số 22/QĐKN-CTUBND ngày 07/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và tại Quyết định số 02/QĐKN-CTUBND ngày 27/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S đã thu hồi và hủy các Quyết định số 273/QĐKN-CTUBND ngày 24/10/2007; Quyết định số 43/QĐKN-CTUBND ngày 20/5/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Ông Đ tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường 5.188 m² đất, nhà ở, công và mất thu nhập với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 1.311.712.165 đồng.

[3] Tại khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được bồi thường.

Ủy ban nhân dân huyện M xác định đã sử dụng 2.085 m²/5.188 m² của ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm kênh công cộng và diện tích bị sạt lở xuống kênh là 146,7 m².

Tại Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M xác định ông Đ đã được bồi thường diện tích 2.085 m² vào năm 2007. Tuy nhiên, các quyết định có nội dung bồi thường 2.085 m² đất và tài sản trên đất cho ông Đ đều đã bị hủy (Quyết định số 4211/QĐKN-CTUBND ngày 26/7/2007; Quyết định số 22/QĐKN-CTUBND ngày 07/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M).

Ngày 28/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm phần đất do bị sạt lở kênh cho ông Nguyễn Văn Đ, theo đó ông Đ được bồi thường bổ sung và hỗ trợ đối với 146,7 m² đất bị sạt lở xuống kênh với tổng số tiền 25.672.500 đồng trên cơ sở căn cứ vào Quyết định 34/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh S và Quyết định 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh S.

Tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải là giá đất cụ thể nhưng Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M lại áp dụng Bảng giá đất để làm căn cứ bồi thường là không đúng quy định của pháp luật và do vậy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S có nội dung giữ nguyên Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M cũng là không đúng, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định nêu trên.

[4] Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm cũng được xác định lại theo quy định tại Điều 348 Luật tổ tụng hành chính và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Áp dụng Điều 42 Luật đất đai năm 2003; điểm đ khoản 4 Điều 114, khoản 6 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 32, Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ;

Hủy Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ (lần hai) và hủy Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm phần đất do bị sạt lở kênh cho ông Nguyễn Văn Đ, cư ngụ ấp Thanh Nguyên A, xã M, huyện C, tỉnh T.

[3] Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001558 ngày 30/01/2018 và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003022 ngày 16/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

3.3. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

[4] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

